

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số:...../2026/QH16

Dự thảo 3
Ngày 3.6.2026

LUẬT
PHÒNG, CHỐNG PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về nguyên tắc, biện pháp, chính sách, nguồn lực, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan; cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện hoặc có liên quan đến hoạt động phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trên lãnh thổ Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có liên quan đến Việt Nam theo quy định của Luật này, pháp luật có liên quan, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vũ khí hủy diệt hàng loạt* là vũ khí hạt nhân, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí phóng xạ và các loại vũ khí khác có đặc tính hủy diệt tương đương hoặc lớn hơn, có khả năng gây chết người, thương vong hoặc thiệt hại nghiêm trọng trên quy mô lớn đối với con người, tài sản, môi trường, an ninh quốc gia hoặc an ninh quốc tế.

2. *Vũ khí hạt nhân* là vũ khí dựa trên cơ sở sử dụng năng lượng được giải phóng từ các phản ứng phân chia hạt nhân và phản ứng tổng hợp hạt nhân không

điều khiển. Các nhân tố sát thương chủ yếu gồm sóng xung kích, bức xạ quang, bức xạ xuyên, phóng xạ và xung điện từ; đạn dược hạt nhân, phương tiện đưa chúng tới mục tiêu và phương tiện điều khiển là bộ phận không thể tách rời của vũ khí hạt nhân.

3. *Vũ khí phóng xạ* là vũ khí dùng chất phóng xạ để sát thương sinh lực bằng bức xạ ion hóa làm nhiễm xạ môi trường xung quanh, phương tiện kỹ thuật và các đối tượng khác. Chất phóng xạ có thể lấy từ sản phẩm của lò phản ứng hạt nhân hoặc điều chế nhân tạo. Vũ khí phóng xạ gồm đạn dược chứa chất phóng xạ, phương tiện đưa chúng tới mục tiêu hoặc các thiết bị phun rải khác. Vũ khí phóng xạ tác động bằng tia bức xạ do chiếu ngoài và chiếu trong cơ thể, gây tổn thương các bộ phận của cơ thể và gây bệnh phóng xạ.

4. *Vũ khí hóa học* là vũ khí dựa trên đặc tính gây độc cao và tác động nhanh của các loại hóa chất. Vũ khí hóa học bao gồm hóa chất độc và các phương tiện sử dụng như đạn dược, phương tiện đưa hóa chất độc đến mục tiêu. Vũ khí hóa học có phạm vi tác động lớn cả về tính chất, mức độ sát thương lẫn không gian, thời gian tác động; hiệu quả sát thương cao, khó phát hiện kịp thời, gây khó khăn, phức tạp cho việc phòng, chống và khắc phục hậu quả; gây thiệt hại lớn cho môi trường sinh thái và hậu quả xấu đến tính mạng và sức khỏe con người.

5. *Vũ khí sinh học* là vũ khí dựa trên đặc tính gây bệnh hoặc truyền bệnh của các tác nhân sinh học gây dịch giết hại hàng loạt cho người, động vật, thực vật. Thành phần của vũ khí sinh học là tác nhân sinh học như vi khuẩn, virus, nấm, độc tố và các phương tiện sử dụng như đạn dược, phương tiện đưa tác nhân sinh học đến mục tiêu.

6. *Phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt* là tên lửa, rốc-két, phương tiện bay không người lái, hệ thống không người lái khác và các phương tiện, hệ thống được thiết kế, chế tạo hoặc cải hoán chuyên dùng để mang, phóng, rải hoặc phát tán vũ khí hủy diệt hàng loạt.

7. *Phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt:*

a) Là hoạt động làm lan rộng kiến thức, công trình nghiên cứu khoa học, các thành phần tiền chất, vật liệu liên quan của chủ thể nhà nước hoặc phi nhà nước nhằm thực hiện các hoạt động liên quan đến vũ khí hủy diệt hàng loạt được quy định tại điểm b khoản này;

b) Hoạt động liên quan đến vũ khí hủy diệt hàng loạt bao gồm: nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sở hữu, mua lại, dự trữ, lưu trữ, phát triển, vận chuyển, bán, cung cấp, chuyển nhượng, chuyển giao công nghệ, xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển và sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc các hoạt động có liên quan được quy định trong các nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan;

hoặc cung cấp đào tạo kỹ thuật, tư vấn, dịch vụ, môi giới, hỗ trợ liên quan đến bất kỳ hoạt động nào được xác định trong điểm này.

8. *Tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt* là hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp cung cấp, huy động, chuyển giao, quản lý hoặc sử dụng tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính nhằm thực hiện, hỗ trợ hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

9. *Danh mục kiểm soát* là Danh mục hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dữ liệu kỹ thuật, linh kiện, phụ tùng và dịch vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhằm kiểm soát, phòng ngừa hoạt động phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt.

10. *Kiểm soát ngoài danh mục* là biện pháp kiểm soát áp dụng đối với đối tượng không thuộc Danh mục kiểm soát quy định tại khoản 9 Điều này nhưng có căn cứ cho thấy có thể được sử dụng, toàn bộ hoặc một phần, cho hoạt động phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

11. *Người sử dụng cuối cùng* là tổ chức, cá nhân tiếp nhận, quản lý, khai thác, sử dụng cuối cùng hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ thuộc diện kiểm soát.

12. *Mục đích sử dụng cuối cùng* là công dụng, hoạt động hoặc phương thức sử dụng thực tế sau cùng của hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ sau khi được chuyển giao, cung cấp, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, trung chuyển, môi giới hoặc thực hiện dưới hình thức khác.

13. *Chuyển giao công nghệ phi vật thể* là hành vi chuyển giao, cung cấp, chia sẻ hoặc cho phép tiếp cận dữ liệu kỹ thuật, phần mềm, bí quyết công nghệ, bản vẽ, quy trình, thông tin chuyên môn, tri thức kỹ thuật hoặc nội dung công nghệ khác bằng phương thức điện tử, nền tảng số, không gian mạng hoặc hình thức phi vật chất khác.

14. *Đối tượng bị chỉ định* là tổ chức, cá nhân có tên trong danh sách do Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ban hành hoặc danh sách do Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của Việt Nam xác lập có liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

15. *Biện pháp trừng phạt tài chính mục tiêu* là biện pháp trừng phạt tài chính áp dụng đối với tổ chức, cá nhân cụ thể, bao gồm: phong tỏa tài sản, cấm cung cấp tiền hoặc tài sản, trực tiếp hoặc gián tiếp, vì lợi ích của tổ chức, cá nhân bị trừng phạt.

16. *Hệ thống tuân thủ nội bộ* là tổng thể quy định, quy trình, cơ chế quản lý rủi ro và biện pháp kiểm soát, giám sát do tổ chức, cá nhân thiết lập, thực hiện nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý nguy cơ, hành vi vi phạm quy định về phòng chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

17. *Biện pháp kiểm soát đặc thù* là biện pháp quản lý, kiểm soát được áp dụng theo quy định của Luật này trên cơ sở đánh giá rủi ro đối với hoạt động, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, giao dịch có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, bao gồm: kiểm soát theo danh mục, kiểm soát ngoài danh mục, kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, chuyển giao công nghệ phi vật thể, giao dịch tài chính và các biện pháp cần thiết khác nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nguy cơ, hành vi phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

18. *Kiểm soát tài trợ phổ biến* là việc nhận diện, đánh giá, giám sát, phát hiện, báo cáo, ngăn chặn, tạm dừng giao dịch, phong tỏa tài sản hoặc áp dụng biện pháp cần thiết khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan đối với tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính, dịch vụ kinh tế có nguy cơ được sử dụng để phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

19. *Bên thứ ba ngay tình* là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, lợi ích hợp pháp đối với tài sản, giao dịch, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ bị áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát, phong tỏa, tạm giữ, niêm phong hoặc hạn chế giao dịch theo quy định của Luật này; đã xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ liên quan một cách thiện chí, hợp pháp; không biết, không thể biết và không có hành vi thông đồng, che giấu, tiếp tay hoặc tạo điều kiện cho việc phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 4. Nguyên tắc phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh trật tự, an toàn xã hội; đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; Quân đội nhân dân là lực lượng nòng cốt, chủ trì, phối hợp với Công an nhân dân, các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Lấy phòng ngừa là chính; chủ động phát hiện, cảnh báo sớm, ngăn chặn, xử lý kịp thời nguy cơ, hành vi phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; thực hiện quản lý, kiểm soát trên cơ sở đánh giá rủi ro.

3. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Hoạt động phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt không thay thế chức năng quản lý nhà nước theo pháp luật chuyên ngành; không đặt ra thủ tục quản lý, cấp phép, khai báo, báo cáo, kiểm tra, thanh tra, giám sát độc lập, trùng lặp.

5. Bảo đảm phối hợp liên ngành, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cảnh báo rủi ro kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng mục đích.

6. Hành vi phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt phải được xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc áp dụng pháp luật

1. Hoạt động phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trên lãnh thổ Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp luật khác ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có quy định khác về hoạt động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, kiểm soát, xử lý hành vi phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt mà không trái với nguyên tắc của Luật này thì thực hiện theo quy định của luật đó.

3. Trường hợp luật ban hành sau ngày Luật này có hiệu lực thi hành cần có quy định đặc thù khác thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này thì áp dụng quy định của luật ban hành sau, với điều kiện luật đó phải xác định rõ nội dung áp dụng theo luật ban hành sau và nội dung tiếp tục áp dụng theo quy định của Luật này.

Điều 6. Chính sách của Nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Ưu tiên đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, năng lực chuyên môn, kỹ thuật; thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống cảnh báo sớm nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Thực hiện quản lý theo rủi ro; áp dụng đồng bộ biện pháp kiểm soát đối với hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, tài chính và giao dịch có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân tuân thủ pháp luật, xây dựng hệ thống tuân thủ nội bộ, chủ động phòng ngừa, phát hiện, báo cáo và phối hợp xử lý rủi ro phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 7. Hành vi bị nghiêm cấm

1. Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sở hữu, mua lại, dự trữ, lưu trữ, phát triển, vận chuyển, bán, cung cấp, chuyển nhượng, chuyển giao phần mềm, công nghệ, xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển và sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc các hoạt động có liên quan, trừ trường hợp được phép theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và pháp luật có liên quan.

2. Cung cấp, huy động, chuyển giao, quản lý, sử dụng tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính nhằm hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp hoạt động phổ

biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc cho đối tượng bị chỉ định, vì lợi ích của đối tượng bị chỉ định.

3. Lợi dụng hoạt động kinh tế, thương mại, đầu tư, khoa học, công nghệ, đào tạo, hợp tác quốc tế, nhân đạo để phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nhiệm vụ được giao trong phòng chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt để xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; cản trở hoạt động hợp pháp; bao che, tiếp tay hoặc xử lý không đúng quy định đối với hành vi vi phạm pháp luật.

5. Che giấu, giả mạo, cung cấp thông tin sai lệch, tiêu hủy trái pháp luật hồ sơ, chứng từ, dữ liệu nhằm trốn tránh biện pháp quản lý, kiểm soát theo quy định của Luật này.

6. Cản trở, chống đối, không chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra, giám sát, áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát, biện pháp ngăn chặn, trừng phạt tài chính mục tiêu, phong tỏa tài sản hoặc hạn chế giao dịch theo quy định của Luật này.

7. Tiết lộ trái pháp luật bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân, thông tin cảnh báo, thông tin điều tra, xác minh trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

8. Hành vi khác theo quy định của pháp luật hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 8. Hợp tác quốc tế

1. Hợp tác quốc tế trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Nội dung hợp tác quốc tế gồm:

a) Trao đổi, chia sẻ thông tin phục vụ phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng năng lực quản lý, kiểm soát; xây dựng hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật;

c) Phối hợp kiểm soát hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ, tài chính và giao dịch có liên quan;

d) Phối hợp xác minh, truy vết, phong tỏa, giải tỏa, xử lý tài sản, giao dịch liên quan đến đối tượng bị chỉ định;

đ) Thực hiện điều ước quốc tế và nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan.

Chương II BIỆN PHÁP, CHÍNH SÁCH VỀ PHÒNG, CHỐNG PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

Mục 1 QUẢN LÝ RỦI RO VÀ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT ĐẶC THÙ

Điều 9. Quản lý rủi ro quốc gia trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Quản lý rủi ro quốc gia trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện thông qua việc nhận diện, phân tích, đánh giá, phân loại, cập nhật, cảnh báo, giám sát rủi ro và áp dụng biện pháp phòng ngừa, kiểm soát, xử lý phù hợp với mức độ rủi ro về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Đánh giá rủi ro quốc gia được thực hiện định kỳ 05 năm một lần hoặc thực hiện đột xuất trong các trường hợp sau đây:

a) Khi có thay đổi lớn về tình hình chính trị, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công nghệ; xuất hiện nguy cơ mới, nguy cơ gia tăng, vụ việc nghiêm trọng có liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Khi có yêu cầu của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc trong thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Kết quả đánh giá rủi ro quốc gia phải xác định các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Mức độ rủi ro quốc gia về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Rủi ro theo lĩnh vực, ngành, địa bàn, nhóm đối tượng, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, giao dịch;

c) Nguy cơ, phương thức, thủ đoạn, xu hướng phát sinh hoặc gia tăng rủi ro phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Lỗ hổng, hạn chế trong cơ chế quản lý, kiểm soát, phối hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu và năng lực thực thi;

đ) Kiến nghị biện pháp phòng ngừa, kiểm soát, giám sát, xử lý rủi ro; việc phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi phù hợp với mức độ rủi ro.

4. Kết quả đánh giá rủi ro quốc gia là căn cứ để xây dựng, điều chỉnh chính sách, chiến lược, kế hoạch, danh mục kiểm soát, tiêu chí quản lý rủi ro, cơ chế cảnh báo sớm; xác định đối tượng, hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát; áp dụng biện pháp kiểm soát đặc thù, thanh tra, kiểm tra, giám sát trọng điểm; nâng cao năng lực thực thi và thực hiện nghĩa vụ quốc tế về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

5. Cơ quan đầu mối quốc gia chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan tổ chức đánh giá rủi ro quốc gia về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và phổ biến kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cảnh báo rủi ro; cập nhật rủi ro thuộc phạm vi quản lý, hoạt động của mình; áp dụng biện pháp phòng ngừa, kiểm soát phù hợp với mức độ rủi ro theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

7. Chính phủ quy định chi tiết trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương và phương pháp đánh giá rủi ro quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 10. Tiêu chí đánh giá rủi ro quốc gia về phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Đánh giá rủi ro quốc gia về phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện trên cơ sở kết hợp, đối chiếu giữa nguy cơ, mức độ dễ bị tổn thương và hậu quả tiềm tàng; bảo đảm khách quan, toàn diện, dựa trên thông tin, dữ liệu, tài liệu, bằng chứng, cảnh báo rủi ro, kết quả kiểm tra, thanh tra, giám sát, điều tra, xử lý vi phạm và yêu cầu thực hiện điều ước quốc tế, nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan.

2. Tiêu chí đánh giá mối đe dọa về phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt bao gồm:

a) Tổ chức, cá nhân, mạng lưới, quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc chủ thể khác có nguy cơ thực hiện, hỗ trợ, tài trợ, chỉ đạo, kiểm soát, che giấu, tạo điều kiện hoặc bị lợi dụng cho hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, giao dịch, hoạt động thương mại, đầu tư, vận tải, logistics, nghiên cứu khoa học, đào tạo, chuyển giao công nghệ hoặc hoạt động khác có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Xu hướng phát triển khoa học, công nghệ, phương thức, thủ đoạn mới có khả năng bị lợi dụng để nghiên cứu, phát triển, sản xuất, chế tạo, sở hữu, vận chuyển, chuyển giao, xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, sử dụng hoặc che giấu hoạt động liên quan đến vũ khí hủy diệt hàng loạt, phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Nguy cơ phát sinh từ quốc gia, vùng lãnh thổ, địa bàn, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao, hệ thống tài chính, phương thức thanh toán, bên trung gian, bên môi giới, bên nhận ủy thác, bên đại diện, người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng;

đ) Thông tin cảnh báo trong nước, quốc tế; khuyến nghị của tổ chức quốc tế; thông tin, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền, cơ quan thực thi pháp luật, cơ quan tình báo, hải quan, khoa học, công nghệ và cơ quan khác có liên quan cung cấp.

3. Tiêu chí đánh giá mức độ dễ bị tổn thương gồm:

a) Lỗ hổng trong hệ thống pháp luật, cơ chế quản lý nhà nước, kiểm soát chuyên ngành, quy trình nghiệp vụ, cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu và cảnh báo rủi ro;

b) Năng lực của cơ quan, tổ chức có liên quan trong nhận diện, phân tích, dự báo, giám sát, phát hiện, xác minh, ngăn chặn, điều tra, xử lý nguy cơ, hành vi phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Mức độ tuân thủ pháp luật, hiệu quả của hệ thống tuân thủ nội bộ, cơ chế nhận diện, đánh giá, kiểm soát rủi ro, lưu giữ hồ sơ, báo cáo, kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan;

d) Mức độ phụ thuộc vào công nghệ, nguồn cung, đối tác, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao, hạ tầng số, nền tảng công nghệ hoặc quốc gia, vùng lãnh thổ có nguy cơ cao.

4. Tiêu chí đánh giá hậu quả tiềm tàng gồm:

a) Tác động đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đối ngoại, chủ quyền, lợi ích quốc gia, dân tộc và việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam;

b) Tác động đến tính mạng, sức khỏe con người, môi trường, cơ sở hạ tầng thiết yếu, an toàn cộng đồng và ổn định xã hội;

c) Thiệt hại về kinh tế, thương mại, đầu tư, khoa học, công nghệ, uy tín quốc gia và hoạt động hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

d) Khả năng lan truyền, tính chất xuyên biên giới, mức độ phức tạp, khả năng leo thang, phạm vi ảnh hưởng, khả năng khắc phục hậu quả và chi phí phục hồi.

Điều 11. Danh mục kiểm soát

1. Danh mục kiểm soát gồm: Hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Danh mục kiểm soát được xây dựng trên cơ sở:

a) Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan;

c) Yêu cầu bảo vệ quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;

d) Kết quả đánh giá rủi ro quốc gia và thực tiễn quản lý;

đ) Pháp luật chuyên ngành có liên quan.

3. Danh mục kiểm soát được phân loại theo mức độ rủi ro để áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát phù hợp với đặc tính kỹ thuật, công dụng, mục đích sử dụng, người sử dụng cuối cùng, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao và thông tin cảnh báo rủi ro theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan gồm:

a) Mức độ rủi ro cao áp dụng đối với hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ có đặc tính kỹ thuật, công dụng hoặc khả năng ứng dụng trực tiếp trong nghiên cứu, phát triển, sản xuất, chế tạo, vận hành, bảo dưỡng, sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt, phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt; được sử dụng hoặc có khả năng được sử dụng làm bộ phận, linh kiện, tiền chất, vật liệu, công cụ, quy trình, phương tiện hỗ trợ cho hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; có mức độ nhạy cảm cao về quốc phòng, an ninh quốc gia, có nguy cơ cao bị lợi dụng cho hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc thuộc diện kiểm soát theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan;

b) Mức độ rủi ro trung bình áp dụng đối với hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ có công dụng hợp pháp, thông thường nhưng có khả năng bị lợi dụng trong một số điều kiện cụ thể về mục đích sử dụng, người sử dụng cuối cùng, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao hoặc giao dịch có liên quan để phục vụ hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Mức độ rủi ro thấp áp dụng đối với hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ có nguy cơ bị lợi dụng, có mục đích sử dụng dân sự rõ ràng, thông tin về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao minh bạch và chưa có thông tin cảnh báo rủi ro cụ thể.

4. Danh mục kiểm soát được rà soát, cập nhật định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi phát sinh căn cứ quy định tại khoản 2 Điều này, xuất hiện nguy cơ mới, nguy cơ gia tăng hoặc có yêu cầu thực hiện điều ước quốc tế, nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan.

5. Danh mục kiểm soát được công bố công khai để cơ quan, tổ chức, cá nhân biết, thực hiện; trừ trường hợp nội dung thuộc bí mật nhà nước, bí mật quốc phòng, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân hoặc thông tin nghiệp vụ thì được quản lý, khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật.

6. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành, cập nhật, bổ sung, đưa ra khỏi, công bố, khai thác và sử dụng Danh mục kiểm soát.

Điều 12. Hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát

1. Hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát gồm:

- a) Xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh, trung chuyển, chuyển tải hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ có liên quan;
- b) Hoạt động nghiên cứu, phát triển, sản xuất, chế tạo, lưu giữ, sử dụng, vận chuyển, tiêu hủy hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ;
- c) Chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ kỹ thuật, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ phi vật thể;
- d) Giao dịch tài chính và hoạt động khác có liên quan đến phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này thuộc diện quản lý, kiểm soát khi:

- a) Liên quan đến hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ thuộc danh mục kiểm soát;
- b) Không thuộc danh mục kiểm soát nhưng có căn cứ rủi ro cụ thể, có khả năng kiểm chứng cho thấy có nguy cơ bị lợi dụng nhằm phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 13. Biện pháp quản lý, kiểm soát đối với hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát

1. Hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát được áp dụng một hoặc một số biện pháp quản lý, kiểm soát phù hợp với tính chất hoạt động, loại hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, giao dịch có liên quan; chủ thể thực hiện hoạt động; người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng; tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao; đối tượng quản lý, mức độ rủi ro và yêu cầu phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

2. Đối với hoạt động có mức độ rủi ro cao, cơ quan có thẩm quyền áp dụng hoặc yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện một hoặc một số biện pháp quản lý, kiểm soát sau đây:

- a) Thực hiện cấp phép, chấp thuận, xác nhận theo quy định của pháp luật;
- b) Yêu cầu khai báo, báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu trong phạm vi cần thiết để xác định, đánh giá, xác minh, xử lý nguy cơ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;
- c) Xác minh người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao và thông tin khác có liên quan;
- d) Áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát trước, trong hoặc sau khi thực hiện hoạt động; chế độ cảnh báo, theo dõi, hậu kiểm trọng điểm;

đ) Tạm dừng, từ chối, hạn chế hoạt động, giao dịch khi có căn cứ quy định tại khoản 5 Điều này.

3. Đối với hoạt động có mức độ rủi ro trung bình, cơ quan có thẩm quyền áp dụng hoặc yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện một hoặc một số biện pháp quản lý, kiểm soát sau đây:

a) Khai báo, báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu trong phạm vi cần thiết để đánh giá, phân loại, cập nhật rủi ro;

b) Lưu giữ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu có liên quan đến hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát;

c) Xác minh người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao khi có căn cứ rủi ro cụ thể;

d) Kiểm tra, giám sát, hậu kiểm theo kế hoạch hoặc khi phát sinh thông tin cảnh báo rủi ro.

4. Đối với hoạt động có mức độ rủi ro thấp, cơ quan có thẩm quyền áp dụng hoặc yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện một hoặc một số biện pháp quản lý, kiểm soát sau đây:

a) Lưu giữ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu có liên quan đến hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát;

b) Khai báo, báo cáo hoặc cung cấp thông tin theo chế độ đơn giản, phù hợp với mức độ rủi ro;

c) Áp dụng cơ chế hậu kiểm, giám sát theo phương thức quản lý rủi ro;

5. Việc tạm dừng, từ chối, hạn chế hoạt động, giao dịch chỉ được áp dụng khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Hoạt động, giao dịch có liên quan trực tiếp đến đối tượng bị chỉ định;

b) Có căn cứ xác thực cho thấy hoạt động, giao dịch có nguy cơ trực tiếp phục vụ hoặc hỗ trợ hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Có dấu hiệu che giấu, giả mạo hoặc cung cấp không trung thực thông tin về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao nhằm né tránh biện pháp quản lý, kiểm soát theo quy định của Luật này;

d) Có yêu cầu thực hiện nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.

6. Việc áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát phải bảo đảm đúng căn cứ, đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, đúng phạm vi, cần thiết, tương xứng với mức độ rủi ro; không đặt ra thủ tục trùng lặp với pháp luật chuyên ngành; không làm phát sinh gánh nặng tuân thủ bất hợp lý đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân.

7. Quyết định tạm dừng, từ chối, hạn chế hoạt động, giao dịch phải được lập bằng văn bản, xác định rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi, thời hạn, trách nhiệm thực hiện, cơ chế rà soát và quyền khiếu nại, khởi kiện của tổ chức, cá nhân bị tác động. Thời hạn tạm dừng, hạn chế hoạt động, giao dịch không quá 15 ngày làm việc kể từ thời điểm quyết định có hiệu lực; trường hợp vụ việc phức tạp, cần tiếp tục xác minh thì được gia hạn một lần nhưng không quá 15 ngày làm việc và phải nêu rõ lý do gia hạn bằng văn bản. Hết thời hạn nêu trên mà không có căn cứ áp dụng thì phải chấm dứt ngay biện pháp; trường hợp áp dụng trái pháp luật gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

8. Chính phủ quy định chi tiết biểu mẫu, phương thức tiếp nhận, xử lý thông tin, cơ chế phối hợp và phân công cơ quan thực hiện biện pháp quản lý, kiểm soát theo quy định tại Điều này.

Điều 14. Kiểm soát ngoài danh mục

1. Kiểm soát ngoài danh mục được áp dụng đối với hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ không thuộc Danh mục kiểm soát nhưng có căn cứ rủi ro cụ thể, có khả năng kiểm chứng cho thấy có thể được sử dụng toàn bộ hoặc một phần cho hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Việc áp dụng biện pháp kiểm soát ngoài danh mục phải bảo đảm đúng căn cứ, đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, đúng phạm vi, cần thiết, tương xứng với mức độ rủi ro; không được áp dụng trên cơ sở suy đoán, cảnh báo không rõ nguồn gốc hoặc thông tin chưa được đánh giá, xác minh.

3. Căn cứ áp dụng biện pháp kiểm soát ngoài danh mục gồm một hoặc một số căn cứ sau:

a) Thông tin, tài liệu, dữ liệu do cơ quan có thẩm quyền thu thập, tiếp nhận, trao đổi, chia sẻ hoặc xác minh;

b) Kết quả đánh giá rủi ro quốc gia, kết quả phân loại rủi ro hoặc thông tin cảnh báo rủi ro của cơ quan có thẩm quyền;

c) Cảnh báo trong nước hoặc quốc tế có nguồn gốc rõ ràng, có khả năng kiểm chứng;

d) Yêu cầu thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan;

đ) Dấu hiệu về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao, giao dịch có liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Biện pháp kiểm soát ngoài danh mục gồm:

a) Yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu trong phạm vi cần thiết để xác định, đánh giá, xác minh nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Xác minh người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao và thông tin khác có liên quan;

c) Yêu cầu khai báo, báo cáo, lưu giữ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu có liên quan đến hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ thuộc diện kiểm soát ngoài danh mục;

d) Áp dụng biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát, hậu kiểm phù hợp với tính chất, mức độ rủi ro;

đ) Tạm dừng, từ chối, hạn chế hoạt động, giao dịch khi có căn cứ xác thực cho thấy nguy cơ trực tiếp phục vụ hoặc hỗ trợ hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 12 của Luật này.

5. Quyết định áp dụng biện pháp kiểm soát ngoài danh mục phải được lập bằng văn bản, xác định rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi, biện pháp, thời hạn áp dụng, cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện và thời điểm rà soát; được thông báo cho tổ chức, cá nhân có liên quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác để bảo vệ bí mật nhà nước, quốc phòng, an ninh hoặc yêu cầu xử lý khẩn cấp.

6. Biện pháp kiểm soát ngoài danh mục chỉ được áp dụng trong thời hạn cần thiết để xác minh, đánh giá, xử lý nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Cơ quan có thẩm quyền rà soát biện pháp này khi có yêu cầu của tổ chức, cá nhân có liên quan, khi phát sinh thông tin, tài liệu mới làm thay đổi căn cứ áp dụng hoặc khi xét thấy không còn cần thiết. Trường hợp không còn căn cứ áp dụng thì phải sửa đổi, hủy bỏ hoặc chấm dứt ngay biện pháp kiểm soát.

Điều 15. Kiểm soát người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát có trách nhiệm cung cấp trung thực, đầy đủ, kịp thời thông tin về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế và thông

tin khác có liên quan trực tiếp đến việc xác định nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Cơ quan có thẩm quyền được yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp, bổ sung, giải trình thông tin, tài liệu về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng đối với hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát hoặc trường hợp có căn cứ rủi ro cụ thể; không áp dụng đại trà đối với hoạt động hợp pháp, thông thường. Trước khi yêu cầu cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm rà soát, kế thừa, sử dụng thông tin, tài liệu, dữ liệu đã có trong hồ sơ, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; chỉ yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu, dữ liệu khi thông tin hiện có chưa đủ để xác định, đánh giá, xác minh, xử lý nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Tiêu chí kiểm soát người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng gồm:

a) Người sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế có liên quan đến đối tượng bị chỉ định, danh sách cảnh báo, quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức, cá nhân có nguy cơ cao về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Mục đích sử dụng cuối cùng không phù hợp với chức năng, lĩnh vực hoạt động, năng lực kỹ thuật, nhu cầu thực tế, hồ sơ giao dịch hoặc thông tin đã cung cấp của tổ chức, cá nhân có liên quan;

c) Hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ có đặc tính kỹ thuật, công dụng hoặc khả năng ứng dụng trực tiếp hoặc gián tiếp để nghiên cứu, phát triển, sản xuất, chế tạo, vận hành, bảo dưỡng, sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao, bên trung gian, bên môi giới, bên nhận ủy thác, bên đại diện, giao dịch hoặc phương thức thanh toán có dấu hiệu bất thường hoặc nhằm che giấu người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế;

đ) Thông tin, tài liệu, chứng từ, dữ liệu có dấu hiệu không thống nhất, không đầy đủ, không xác thực; có dấu hiệu che giấu, giả mạo, thay đổi bất thường hoặc từ chối cung cấp thông tin cần thiết;

e) Có thông tin cảnh báo, khuyến nghị, yêu cầu hợp tác, thông tin trao đổi từ cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, tổ chức quốc tế hoặc yêu cầu thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan.

4. Biện pháp kiểm soát người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng gồm:

- a) Yêu cầu cung cấp, bổ sung, giải trình thông tin, tài liệu, dữ liệu có liên quan;
- b) Đối chiếu, xác minh thông tin về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao;
- c) Yêu cầu cam kết về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng;
- d) Áp dụng cảnh báo, theo dõi, hậu kiểm phù hợp với mức độ rủi ro;
- đ) Áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

5. Việc tạm dừng hoạt động hoặc áp dụng biện pháp kiểm soát có khả năng hạn chế quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân chỉ được thực hiện khi có căn cứ rủi ro cụ thể, có khả năng kiểm chứng và phải được lập thành văn bản, nêu rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi, biện pháp, thời hạn, trách nhiệm thực hiện và cơ chế rà soát, khiếu nại, khởi kiện.

6. Việc kiểm soát người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng phải dựa trên đánh giá rủi ro, không làm phát sinh nghĩa vụ trùng lặp với pháp luật chuyên ngành.

7. Chính phủ phân công cơ quan thực hiện và cơ chế phối hợp trong kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng.

Điều 16. Kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể

1. Chuyển giao công nghệ phi vật thể thuộc diện kiểm soát khi có căn cứ rủi ro cụ thể cho thấy việc chuyển giao có thể trực tiếp phục vụ nghiên cứu, thiết kế, phát triển, sản xuất, chế tạo, vận hành, bảo dưỡng, sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Đối tượng công nghệ phi vật thể thuộc diện kiểm soát bao gồm: dữ liệu kỹ thuật, phần mềm, mã nguồn, bản vẽ, quy trình, bí quyết công nghệ, mô hình trí tuệ nhân tạo, hệ thống điện toán đám mây và hình thức truyền tải công nghệ qua môi trường số hoặc phương tiện điện tử có khả năng ứng dụng trực tiếp vào hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Tiêu chí xác định rủi ro trong kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể gồm:

- a) Tính chất, công dụng, đặc tính kỹ thuật, mức độ nhạy cảm và khả năng ứng dụng trực tiếp của công nghệ đối với hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Đối tượng tiếp nhận, người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế của hoạt động chuyển giao;

c) Phạm vi, hình thức, phương thức chuyển giao, quyền truy cập, khả năng sao chép, lưu trữ, khai thác, tái chuyển giao hoặc chia sẻ cho bên thứ ba;

d) Quốc gia, vùng lãnh thổ, địa điểm truy cập, nền tảng kỹ thuật, hạ tầng số, chuỗi chuyển giao và chủ thể trung gian có liên quan;

đ) Dấu hiệu che giấu, giả mạo, không thống nhất về đối tượng tiếp nhận, mục đích sử dụng, phạm vi chuyển giao, nguồn gốc công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật;

e) Thông tin cảnh báo, khuyến nghị, yêu cầu hợp tác, thông tin trao đổi từ cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, tổ chức quốc tế hoặc yêu cầu thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan.

4. Biện pháp quản lý, kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể gồm:

a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết về công nghệ, đối tượng tiếp nhận, người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, phạm vi và phương thức chuyển giao;

b) Xác minh đối tượng tiếp nhận, người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, quyền truy cập, phạm vi khai thác, sử dụng và khả năng tái chuyển giao;

c) Yêu cầu áp dụng hệ thống tuân thủ nội bộ, biện pháp quản lý quyền truy cập, bảo mật dữ liệu, lưu giữ hồ sơ, nhật ký truy cập và cơ chế kiểm soát tái chuyển giao phù hợp với mức độ rủi ro;

d) Lồng ghép yêu cầu kiểm soát vào thủ tục cấp phép, chấp thuận, xác nhận hoặc cơ chế quản lý chuyên ngành hiện hành; không đặt ra thủ tục trùng lặp đối với cùng một hoạt động chuyển giao;

đ) Tạm dừng, từ chối hoặc hạn chế chuyển giao, quyền truy cập, phạm vi khai thác, sử dụng công nghệ khi có căn cứ cụ thể theo quy định của Luật này.

5. Không áp dụng cơ chế kiểm soát đặc thù đối với thông tin công khai, hoạt động nghiên cứu cơ bản, giảng dạy, trao đổi học thuật thông thường, giáo trình phổ thông, công bố khoa học hoặc chuyển giao tri thức hợp pháp, trừ trường hợp có căn cứ rủi ro cụ thể cho thấy việc chuyển giao có thể trực tiếp phục vụ hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

6. Đối với dữ liệu kỹ thuật, phần mềm, bản vẽ, quy trình, bí quyết công nghệ thuộc bí mật nhà nước, bí mật quân sự, bí mật quốc phòng, an ninh thì việc quản lý, kiểm soát, chuyển giao, khai thác, sử dụng thực hiện theo pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về quốc phòng, an ninh, pháp luật có liên quan.

7. Tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển giao công nghệ phi vật thể thuộc diện kiểm soát có trách nhiệm đánh giá rủi ro về công nghệ, đối tượng tiếp nhận, người

sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, phạm vi và phương thức chuyển giao; áp dụng biện pháp kiểm soát nội bộ phù hợp; cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi cần thiết để xác định, đánh giá, xử lý nguy cơ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

8. Việc tạm dừng, từ chối hoặc hạn chế chuyển giao công nghệ phi vật thể phải có căn cứ cụ thể, bảo đảm cần thiết, tương xứng với nguy cơ, đúng thẩm quyền, có thời hạn, được lập bằng văn bản, nêu rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi, biện pháp, thời hạn áp dụng, trách nhiệm thực hiện và có cơ chế rà soát, khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp

1. Biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp chỉ được áp dụng khi có căn cứ xác thực, cụ thể xác định nguy cơ trực tiếp, hiện hữu và có khả năng xảy ra ngay về phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt mà nếu không áp dụng ngay biện pháp ngăn chặn thì có thể gây thiệt hại nghiêm trọng đối với quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại, trật tự, an toàn xã hội hoặc việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam.

2. Căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp gồm một hoặc một số căn cứ sau đây:

a) Hoạt động, giao dịch, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, tiền, tài sản hoặc phương tiện có liên quan trực tiếp đến đối tượng bị chỉ định;

b) Có căn cứ xác thực cho thấy hoạt động, giao dịch, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, tiền, tài sản hoặc phương tiện đang hoặc sắp được sử dụng để thực hiện, hỗ trợ hoạt động phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Có nguy cơ tẩu tán, chuyển dịch, tiêu hủy, che giấu hàng hóa, tài liệu, dữ liệu, tiền, tài sản, phương tiện hoặc chứng cứ có liên quan đến nguy cơ phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Có dấu hiệu che giấu người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao hoặc nguồn gốc tiền, tài sản nhằm né tránh biện pháp quản lý, kiểm soát;

đ) Có thông tin cảnh báo, yêu cầu phối hợp, yêu cầu xử lý khẩn cấp từ cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, tổ chức quốc tế hoặc cơ chế hợp tác quốc tế có liên quan;

e) Có yêu cầu thực hiện nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật.

3. Biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp gồm:

- a) Tạm dừng hoạt động, giao dịch có liên quan trực tiếp đến nguy cơ;
- b) Phong tỏa tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, tài khoản có liên quan theo quy định của pháp luật;
- c) Tạm giữ hàng hóa, tài liệu, phương tiện theo quy định của pháp luật;
- d) Yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu trong phạm vi cần thiết để xử lý nguy cơ;
- đ) Biện pháp cần thiết khác theo quy định của pháp luật.

4. Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp phải có quyết định bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền, trừ trường hợp cần áp dụng ngay để ngăn chặn nguy cơ trực tiếp, hiện hữu. Quyết định phải nêu rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi, biện pháp, thời hạn, trách nhiệm thực hiện và cơ chế rà soát.

5. Trường hợp cần áp dụng ngay biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp, cơ quan có thẩm quyền phải ban hành quyết định bằng văn bản trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ thời điểm áp dụng biện pháp; người ra quyết định chịu trách nhiệm cá nhân về căn cứ, phạm vi, thời hạn và tính hợp pháp của biện pháp được áp dụng.

6. Việc tạm giữ hàng hóa, tài liệu, phương tiện phải đúng thẩm quyền, đúng thời hạn, có biên bản, được niêm phong, bảo quản theo quy định của pháp luật; trường hợp áp dụng trái pháp luật gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

7. Biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp được áp dụng trong thời hạn ngắn nhất cần thiết để xác minh, đánh giá, xử lý nguy cơ nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ thời điểm áp dụng. Trường hợp vụ việc phức tạp, cần tiếp tục xác minh hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thì được gia hạn một lần, thời hạn gia hạn không quá 05 ngày làm việc; việc gia hạn phải được lập bằng văn bản, nêu rõ căn cứ, lý do, thời hạn gia hạn và trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp không còn căn cứ áp dụng thì phải sửa đổi, hủy bỏ hoặc chấm dứt ngay biện pháp.

8. Tổ chức, cá nhân bị tác động bởi biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp có quyền khiếu nại, khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Hệ thống tuân thủ nội bộ của tổ chức, doanh nghiệp

1. Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát có trách nhiệm xây dựng, áp dụng hệ thống tuân thủ nội bộ phù hợp với quy mô, lĩnh vực hoạt động, loại hình hàng hóa, công nghệ, dịch vụ và mức độ rủi ro.

2. Hệ thống tuân thủ nội bộ gồm:

- a) Chính sách, quy trình kiểm soát nội bộ;
- b) Cơ chế nhận diện, đánh giá, phân loại, quản lý rủi ro;
- c) Kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng;
- d) Kiểm soát giao dịch, chuyển giao hàng hóa, công nghệ, dịch vụ;
- đ) Lưu giữ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu, chế độ báo cáo;
- e) Đào tạo, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người lao động;
- g) Cơ chế phát hiện, báo cáo, xử lý vi phạm nội bộ.

3. Hệ thống tuân thủ nội bộ là căn cứ để đánh giá mức độ tuân thủ, phân loại rủi ro và xác định phương thức quản lý, kiểm soát phù hợp đối với tổ chức, doanh nghiệp.

Điều 19. Đánh giá, công nhận và áp dụng chế độ ưu tiên đối với tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ

1. Tổ chức, doanh nghiệp có hệ thống tuân thủ nội bộ đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 17 của Luật này, có lịch sử tuân thủ tốt thì được xem xét đánh giá, công nhận và áp dụng chế độ ưu tiên trong quản lý, kiểm soát hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát.

2. Việc đánh giá, công nhận chế độ ưu tiên được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, dựa trên mức độ tuân thủ, lịch sử chấp hành pháp luật, mức độ rủi ro của hoạt động và khả năng phòng ngừa, phát hiện, báo cáo, xử lý rủi ro.

3. Chế độ ưu tiên gồm: Giảm tần suất kiểm tra, giám sát; đơn giản hóa chế độ khai báo, báo cáo; ưu tiên xử lý hồ sơ, giao dịch; áp dụng cơ chế hậu kiểm phù hợp và biện pháp hỗ trợ tuân thủ khác theo quy định của Chính phủ.

4. Tổ chức, doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên có trách nhiệm duy trì điều kiện tuân thủ; cung cấp thông tin trung thực, đầy đủ, kịp thời; chịu kiểm tra, giám sát, hậu kiểm theo quy định của pháp luật; bị tạm đình chỉ, chấm dứt hoặc hủy bỏ chế độ ưu tiên khi không còn đáp ứng điều kiện hoặc vi phạm quy định của Luật này.

5. Tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đánh giá, công nhận, duy trì, tạm đình chỉ, chấm dứt, hủy bỏ chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều này do Chính phủ quy định.

Điều 20. Nghĩa vụ tuân thủ của tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát hoặc có liên quan đến phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

có trách nhiệm tuân thủ Luật này, pháp luật có liên quan và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm nhận diện, cập nhật, xác minh thông tin cần thiết về đối tác, khách hàng, người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế và thông tin khác có liên quan đến hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát.

3. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đánh giá, phân loại, cập nhật rủi ro trong phạm vi hoạt động của mình; áp dụng biện pháp kiểm soát nội bộ phù hợp với lĩnh vực hoạt động, quy mô, tính chất hoạt động và mức độ rủi ro.

4. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện chế độ khai báo, báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu đầy đủ, trung thực, kịp thời theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; lưu giữ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu có liên quan theo quy định của pháp luật.

5. Khi phát hiện hoặc có căn cứ nghi ngờ hoạt động, giao dịch, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, tiền, tài sản có liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền và áp dụng biện pháp phòng ngừa, kiểm soát cần thiết trong phạm vi trách nhiệm của mình.

6. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra, giám sát, áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát, biện pháp ngăn chặn, phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

7. Tổ chức, cá nhân không được che giấu, giả mạo, tiêu hủy trái pháp luật thông tin, hồ sơ, chứng từ, dữ liệu; không được cản trở, né tránh hoặc tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân khác né tránh biện pháp quản lý, kiểm soát theo quy định của Luật này.

8. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân và thông tin có liên quan trong quá trình thực hiện nghĩa vụ tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Mục 2

KIỂM SOÁT TÀI TRỢ PHỔ BIẾN VÀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP TRỪNG PHẠT TÀI CHÍNH MỤC TIÊU

Điều 21. Kiểm soát tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Kiểm soát tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện trên cơ sở nhận diện, đánh giá, giám sát, phát hiện, báo cáo, trì hoãn giao dịch, phong

tỏa tài sản, hạn chế giao dịch và áp dụng biện pháp cần thiết khác đối với tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính, lợi ích kinh tế có nguy cơ được sử dụng để thực hiện, hỗ trợ hoạt động phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan thực hiện nghĩa vụ phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định tại Điều 26 của Luật này, pháp luật về phòng, chống rửa tiền và pháp luật có liên quan.

3. Khi phát hiện giao dịch, hành vi có dấu hiệu tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tổ chức, cá nhân phải báo cáo ngay cho cơ quan có thẩm quyền; thực hiện tạm dừng giao dịch, phong tỏa tiền, tài sản theo quy định; phối hợp kiểm tra, xác minh, xử lý.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thuộc diện báo cáo; quy trình nhận diện, đánh giá rủi ro tài trợ phổ biến; chế độ báo cáo và phối hợp xử lý theo quy định tại Điều này do Chính phủ quy định.

Điều 22. Đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Đánh giá, cập nhật rủi ro tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là bộ phận của quản lý rủi ro quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; được thực hiện trên cơ sở kế thừa kết quả đánh giá rủi ro quốc gia quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật này, nhằm nhận diện, phân tích và đánh giá rủi ro về khả năng vi phạm, không thực thi hoặc lẫn tránh các biện pháp trừng phạt tài chính mục tiêu.

2. Việc đánh giá, cập nhật rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được tích hợp trong kỳ đánh giá rủi ro quốc gia quy định tại Điều 8 của Luật này; trường hợp phát sinh nguy cơ, phương thức, thủ đoạn mới, yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, yêu cầu thực hiện nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc khuyến nghị của tổ chức quốc tế có liên quan thì thực hiện cập nhật chuyên đề, đột xuất.

3. Kết quả đánh giá rủi ro là căn cứ để xây dựng, cập nhật chính sách, biện pháp kiểm soát tài trợ phổ biến; áp dụng quản lý theo rủi ro; hướng dẫn tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghĩa vụ nhận diện, đánh giá, kiểm soát rủi ro; phục vụ cảnh báo sớm, chia sẻ thông tin, phối hợp liên ngành, hợp tác quốc tế và áp dụng trừng phạt tài chính mục tiêu.

4. Nội dung, phương pháp, tiêu chí, cơ chế phối hợp, chế độ thông tin, báo cáo, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong đánh giá, cập nhật, khai thác,

sử dụng kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do Chính phủ quy định.

Điều 23. Giao dịch đáng ngờ liên quan đến tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngay lập tức hoặc không quá 24 giờ kể từ khi có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến hoạt động tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Cơ sở hợp lý để nghi ngờ được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin nhận biết khách hàng, thông tin kiểm soát, giám sát giao dịch, thông tin từ các nguồn đáng tin cậy khi khách hàng, giao dịch có một hoặc nhiều dấu hiệu đáng ngờ quy định tại Luật này và có thể từ các dấu hiệu khác do đối tượng báo cáo tự xác định.

2. Việc báo cáo giao dịch đáng ngờ theo quy định tại Khoản 1 Điều này không phụ thuộc vào giá trị của giao dịch, không phụ thuộc vào giao dịch đó đã hoàn thành hay chưa.

3. Dấu hiệu giao dịch đáng ngờ được xác định trên cơ sở một hoặc một số nhóm dấu hiệu sau đây:

a) Khách hàng, bên thụ hưởng, người đại diện, người kiểm soát hoặc người có liên quan thuộc Danh sách đối tượng bị chỉ định, danh sách cảnh báo hoặc có dấu hiệu che giấu, giả mạo danh tính;

b) Giao dịch không phù hợp với hồ sơ khách hàng, mục đích kinh tế, lĩnh vực hoạt động, năng lực tài chính hoặc lịch sử giao dịch;

c) Giao dịch liên quan đến quốc gia, vùng lãnh thổ, tuyến vận chuyển, đối tác, hàng hóa, công nghệ, dịch vụ có nguy cơ cao về phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Giao dịch có dấu hiệu chia nhỏ, chuyển tiếp qua nhiều trung gian, sử dụng cấu trúc sở hữu, thanh toán hoặc bên thụ hưởng phức tạp nhằm che giấu nguồn gốc, mục đích hoặc người hưởng lợi cuối cùng;

đ) Giao dịch tài trợ thương mại, bảo lãnh, thư tín dụng, thanh toán quốc tế, bảo hiểm, vận tải, logistics có thông tin không thống nhất về hàng hóa, tuyến vận chuyển, người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng hoặc bên thụ hưởng;

e) Giao dịch sử dụng tài sản ảo, phương tiện thanh toán điện tử, cấu trúc sở hữu, bên trung gian, bên nhận ủy thác, bên đại diện nhằm che giấu nguồn gốc tài sản, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi hoặc đối tượng kiểm soát thực tế;

4. Phương thức báo cáo, cơ chế tiếp nhận, phân tích, xử lý, chia sẻ thông tin và phối hợp giữa các cơ quan có liên quan do Chính phủ quy định.

Điều 24. Danh sách đối tượng bị chỉ định về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Danh sách đối tượng bị chỉ định về phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt gồm danh sách do Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ban hành và danh sách do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác lập theo quy định của Luật này; là căn cứ để áp dụng biện pháp trừng phạt tài chính mục tiêu, phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch và biện pháp cần thiết khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ đưa tổ chức, cá nhân vào Danh sách đối tượng bị chỉ định gồm:

a) Nghị quyết, quyết định, danh sách chỉ định của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc;

b) Yêu cầu thực hiện điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và yêu cầu của quốc gia khác;

c) Căn cứ xác định tổ chức, cá nhân thực hiện, hỗ trợ, tài trợ, chỉ đạo, kiểm soát hoặc hành động thay mặt, theo sự chỉ đạo, vì lợi ích của tổ chức, cá nhân có liên quan đến phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Căn cứ đưa tổ chức, cá nhân ra khỏi Danh sách đối tượng bị chỉ định gồm:

a) Quyết định đưa ra khỏi danh sách của cơ quan, tổ chức quốc tế có thẩm quyền;

b) Không còn căn cứ áp dụng biện pháp chỉ định;

c) Có nhầm lẫn về danh tính;

d) Tổ chức đã chấm dứt hoạt động, cá nhân đã chết;

đ) Trường hợp khác do Luật này hoặc điều ước quốc tế có liên quan quy định.

4. Danh sách đối tượng bị chỉ định phải được cập nhật, công bố hoặc thông báo để thực hiện ngay, không chậm trễ; trường hợp có căn cứ bảo vệ bí mật nhà nước, quốc phòng, an ninh hoặc yêu cầu nghiệp vụ thì phạm vi, phương thức công bố, thông báo được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

5. Việc đưa vào, đưa ra khỏi Danh sách đối tượng bị chỉ định phải được thực hiện bằng quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền; phải nêu rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi biện pháp, thời điểm có hiệu lực, trách nhiệm thực hiện.

6. Danh sách đối tượng bị chỉ định phải được rà soát định kỳ hoặc đột xuất; tổ chức, cá nhân bị chỉ định có quyền kiến nghị, khiếu nại, khởi kiện; bên thứ ba ngay tình được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

7. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục đề xuất đưa vào danh sách hoặc đưa ra khỏi chỉ định của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và trình tự, thủ tục

tiếp nhận, xử lý yêu cầu của quốc gia khác về việc xác định tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc không liên quan đến tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; đề nghị quốc gia khác xác định tổ chức, cá nhân liên quan hoặc không liên quan đến tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 25. Phong tỏa tài sản và hạn chế giao dịch

1. Biện pháp phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch được áp dụng đối với tiền, tài sản, nguồn lực tài chính hoặc lợi ích kinh tế thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của đối tượng bị chỉ định; tổ chức, cá nhân hành động thay mặt, theo sự chỉ đạo hoặc vì lợi ích của đối tượng bị chỉ định.

2. Việc phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch không làm chuyển quyền sở hữu tài sản và không làm mất quyền, lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu, người quản lý, bên thứ ba ngay tình, trừ phần quyền bị hạn chế theo quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

3. Căn cứ áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch gồm:

- a) Nghi ngờ đối tượng thuộc Danh sách đối tượng bị chỉ định;
- b) Yêu cầu thực hiện nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- c) Quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật này.

4. Cơ quan nhà nước, tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính và tổ chức, cá nhân khác phải thực hiện ngay, không chậm trễ các biện pháp phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch, trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được, cập nhật hoặc tiếp cận hợp pháp căn cứ quy định tại khoản 3 Điều này, không cần thông báo trước cho đối tượng bị áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản, cấm cung cấp tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính, lợi ích kinh tế và hạn chế giao dịch.

5. Cơ quan đầu mối có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý báo cáo về tài sản đã bị phong tỏa, hạn chế giao dịch. Trong thời hạn 48 giờ kể từ khi nhận được báo cáo của tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan, Cơ quan đầu mối có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, làm rõ và cung cấp phản hồi thông tin cho tổ chức, cá nhân đã thực hiện báo cáo.

6. Việc phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch phải đúng căn cứ, đúng đối tượng, đúng phạm vi, kịp thời; quyết định hoặc thông báo áp dụng phải xác định rõ đối tượng, tài sản, giao dịch bị áp dụng, thời điểm có hiệu lực, trách nhiệm thực hiện, thời hạn áp dụng và cơ chế rà soát, khiếu nại, khởi kiện. Đối với đối tượng thuộc danh sách của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, thời hạn áp dụng kéo dài

đến khi có quyết định đưa ra khỏi danh sách hoặc quyết định giải tỏa của cơ quan có thẩm quyền. Đối với danh sách do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác lập, thời hạn áp dụng theo quyết định chỉ định nhưng phải được rà soát định kỳ ít nhất 06 tháng một lần; trường hợp không còn căn cứ áp dụng thì phải giải tỏa theo khoản 8 Điều này.

7. Việc phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch phải bảo đảm:

- a) Chỉ áp dụng trong phạm vi cần thiết để ngăn chặn nguy cơ phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;
- b) Không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên thứ ba ngay tình;
- c) Được rà soát định kỳ ít nhất 06 tháng một lần hoặc đột xuất khi có yêu cầu, khi phát sinh thông tin mới hoặc khi có căn cứ cho rằng biện pháp không còn cần thiết;
- d) Được giải quyết khiếu nại, khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

7. Việc giải tỏa toàn bộ hoặc một phần tài sản, giao dịch bị phong tỏa, hạn chế chỉ được thực hiện khi không còn căn cứ áp dụng; có nhầm lẫn về danh tính; tài sản, giao dịch không thuộc sở hữu, quyền quản lý, quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của đối tượng bị chỉ định; cần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên thứ ba ngay tình; hoặc được phép sử dụng cho nhu cầu thiết yếu, y tế, giáo dục, pháp lý, nhân đạo theo quy định của Luật này, pháp luật có liên quan, nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

8. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm rà soát việc phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch định kỳ hoặc khi có yêu cầu, kiến nghị, thông tin mới; trường hợp không còn căn cứ áp dụng thì phải chấm dứt ngay biện pháp, giải tỏa tài sản, giao dịch và khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng.

9. Biểu mẫu, phương thức thông báo, chế độ báo cáo, cơ chế phối hợp, trình tự rà soát, giải tỏa và cho phép sử dụng tài sản cho nhu cầu thiết yếu, y tế, giáo dục, pháp lý, nhân đạo do Chính phủ quy định.

Điều 26. Rà soát, khiếu nại, giải tỏa tài sản và bảo vệ bên thứ ba ngay tình

1. Đối tượng bị chỉ định có quyền được thông báo về việc bị chỉ định, phạm vi biện pháp áp dụng, trừ trường hợp việc thông báo ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nghĩa vụ quốc tế hoặc bí mật nhà nước.

2. Đối tượng bị chỉ định có quyền kiến nghị, khiếu nại, khởi kiện, yêu cầu xem xét lại, sửa đổi, hủy bỏ quyết định chỉ định hoặc biện pháp phong tỏa, hạn chế giao dịch theo quy định của pháp luật.

3. Đối tượng bị chỉ định, người phụ thuộc hoặc bên có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan được đề nghị giải tỏa một phần tài sản để phục vụ nhu cầu thiết yếu, y tế, giáo dục, pháp lý, nhân đạo hoặc nghĩa vụ hợp pháp khác theo quy định của Luật này, pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Bên thứ ba ngay tình, người có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến tài sản, giao dịch bị phong tỏa, hạn chế có quyền cung cấp tài liệu chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp của mình; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền rà soát, giải tỏa toàn bộ hoặc một phần tài sản, giao dịch; yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu biện pháp được áp dụng trái pháp luật.

5. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, trả lời kiến nghị, yêu cầu rà soát, giải tỏa trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, tài liệu hợp lệ; trường hợp vụ việc phức tạp thì được kéo dài một lần nhưng không quá 30 ngày làm việc và phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu. Trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục kiến nghị, rà soát, giải tỏa tài sản, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đối tượng bị chỉ định, người có quyền, lợi ích liên quan và bên thứ ba ngay tình trên cơ sở quyền, căn cứ và điều kiện đã được quy định tại Luật này.

Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức tài chính và tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo Luật này, pháp luật về phòng, chống rửa tiền và pháp luật có liên quan gồm:

a) Rà soát, đối chiếu khách hàng, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, người đại diện, người được ủy quyền, giao dịch, tài sản với Danh sách đối tượng bị chỉ định, Danh sách đen, danh sách cảnh báo và thông tin cảnh báo rủi ro có liên quan;

b) Phong tỏa ngay tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, lợi ích kinh tế thuộc sở hữu, quyền quản lý, quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của đối tượng bị chỉ định;

c) Không cung cấp, chuyển giao, chi trả, giải ngân, xử lý tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính, lợi ích kinh tế cho đối tượng bị chỉ định hoặc vì lợi ích của đối tượng bị chỉ định;

d) Trì hoãn, từ chối, chấm dứt giao dịch khi có căn cứ theo quy định của Luật này, pháp luật về phòng, chống rửa tiền và pháp luật có liên quan;

đ) Báo cáo kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền về các tài sản bị phong tỏa, các biện pháp đã thực hiện nhằm tuân thủ lệnh cấm giao dịch. Đối tượng báo cáo phải bảo mật thông tin báo cáo, thông tin rà soát, thông tin áp dụng biện pháp kiểm soát; không tiết lộ việc báo cáo, rà soát, phong tỏa, trì hoãn hoặc hạn chế giao dịch cho đối tượng bị chỉ định hoặc người có liên quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

e) Báo cáo kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền; bảo mật thông tin báo cáo, thông tin rà soát, thông tin áp dụng biện pháp kiểm soát; không tiết lộ việc báo cáo, rà soát, phong tỏa, trì hoãn hoặc hạn chế giao dịch cho đối tượng bị chỉ định hoặc người có liên quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

g) Xây dựng, thực hiện quy định nội bộ; đào tạo, cập nhật danh sách, cảnh báo rủi ro; lưu giữ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu; bảo đảm khả năng kiểm tra, giám sát, truy vết giao dịch.

2. Việc nhận biết khách hàng, thu thập, cập nhật, xác minh thông tin, lưu giữ hồ sơ, báo cáo, kiểm soát nội bộ, cung cấp thông tin, đánh giá rủi ro về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt bao gồm đánh giá rủi ro đối với sản phẩm, dịch vụ mới, sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ mới về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện theo Luật này, pháp luật về phòng, chống rửa tiền và pháp luật có liên quan.

3. Chính phủ quy định chi tiết trách nhiệm, quy trình, phương thức thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều này.

Mục 3 **THÔNG TIN, DỮ LIỆU, CẢNH BÁO SỚM**

Điều 28. Chia sẻ thông tin, dữ liệu và chế độ báo cáo

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc nghĩa vụ tuân thủ của mình, có trách nhiệm chia sẻ, trao đổi, cung cấp, cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng thẩm quyền, đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thông tin, dữ liệu được chia sẻ gồm:

- a) Thông tin về tổ chức, cá nhân có dấu hiệu liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;
- b) Giao dịch tài chính, dòng tiền, tài sản có dấu hiệu liên quan;
- c) Hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ và hoạt động có nguy cơ;
- d) Danh sách đối tượng bị chỉ định, danh mục kiểm soát, thông tin cấp phép, khai báo, kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm;

- đ) Cảnh báo từ tổ chức quốc tế, cơ quan nước ngoài, cơ quan trong nước;
- e) Thông tin, dữ liệu khác phục vụ quản lý rủi ro, cảnh báo sớm và tổ chức thực hiện Luật này.

3. Việc chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phải bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân; không sử dụng thông tin, dữ liệu trái mục đích hoặc vượt quá phạm vi được phép.

4. Cơ quan nhà nước không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, dữ liệu đã được báo cáo, cập nhật, chia sẻ hợp pháp trong hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước, trừ trường hợp thông tin, dữ liệu chưa đầy đủ, không chính xác, cần xác minh, cập nhật hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 29. Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là hệ thống thông tin phục vụ quản lý nhà nước, kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan có liên quan.

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia gồm:

- a) Dữ liệu về danh sách đối tượng bị chỉ định;
- b) Danh mục hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ thuộc diện kiểm soát;
- c) Thông tin cấp phép, khai báo, kiểm soát xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, trung chuyển, chuyển tải, chuyển giao có dấu hiệu liên quan;
- d) Dữ liệu về giao dịch tài chính, tài sản có dấu hiệu liên quan;
- đ) Kết quả kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm;
- e) Dữ liệu cảnh báo rủi ro, phân tích xu hướng;
- g) Dữ liệu khác phục vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Việc quản lý, kết nối, cập nhật, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt phải bảo đảm an ninh quốc gia, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

4. Việc xây dựng, quản lý, vận hành, cập nhật, kết nối, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện do Chính phủ quy định.

Điều 30. Cơ chế cảnh báo sớm về nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Cơ chế cảnh báo sớm về nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thiết lập nhằm thu thập, phân tích, đánh giá, chia sẻ và cảnh báo kịp thời thông tin phục vụ phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Nội dung cảnh báo sớm gồm:

a) Chủ thể, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ, hoạt động, giao dịch, tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao có dấu hiệu rủi ro;

b) Phương thức, thủ đoạn, dấu hiệu bất thường, dấu hiệu che giấu người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng hoặc né tránh biện pháp quản lý, kiểm soát;

c) Mức độ rủi ro, phạm vi ảnh hưởng, cơ quan, tổ chức, cá nhân cần được cảnh báo;

d) Biện pháp phòng ngừa, kiểm soát, xác minh, phối hợp xử lý hoặc phản hồi thông tin theo thẩm quyền;

3. Cảnh báo sớm được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức sau đây:

a) Văn bản cảnh báo của cơ quan có thẩm quyền;

b) Thông báo điện tử, thông báo qua cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, hệ thống cảnh báo chuyên ngành hoặc cổng thông tin được cơ quan có thẩm quyền xác định;

c) Thông báo trực tiếp, thông báo khẩn trong trường hợp cần xử lý ngay nguy cơ trực tiếp, hiện hữu;

d) Hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan đầu mối quốc gia có trách nhiệm chủ trì thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin; phát hành, cập nhật, sửa đổi, thu hồi cảnh báo sớm; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tiếp nhận, xử lý, phản hồi cảnh báo theo quy định của pháp luật.

5. Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, phản hồi cảnh báo; phối hợp xác minh, áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát phù hợp.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, KIỂM TRA, THANH TRA, GIÁM SÁT, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ BẢO ĐẢM NGUỒN LỰC

Điều 31. Quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt gồm:

a) Ban hành, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Tổ chức đánh giá, quản lý, cập nhật rủi ro quốc gia; xây dựng, rà soát, cập nhật danh mục kiểm soát, tiêu chí quản lý rủi ro và biện pháp quản lý, kiểm soát theo mức độ rủi ro;

c) Tổ chức thực hiện biện pháp quản lý, kiểm soát đối với hoạt động thuộc diện kiểm soát; kiểm soát ngoài danh mục; kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng; kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể; biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp;

d) Tổ chức kiểm soát tài trợ phổ biến, trừng phạt tài chính mục tiêu, danh sách đối tượng bị chỉ định, phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên thứ ba ngay tình theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan;

đ) Xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia; cơ chế cảnh báo sớm; cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu và phối hợp liên ngành trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

e) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; hướng dẫn, hỗ trợ tuân thủ; đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số phục vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

g) Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát, hậu kiểm, đánh giá hiệu quả thực hiện; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

h) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

i) Hợp tác quốc tế; trao đổi, chia sẻ thông tin; thực hiện điều ước quốc tế, nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, khuyến nghị và nghĩa vụ quốc tế có liên quan;

k) Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, cơ sở dữ liệu và nguồn lực khác phục vụ thi hành Luật này.

3. Chính phủ quy định chi tiết việc phân công, phân cấp, cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, chính quyền địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan trong quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; chế độ thông tin, báo cáo, chia sẻ dữ liệu và phối hợp liên ngành trong tổ chức thực hiện Luật này.

Điều 32. Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Bộ Quốc phòng là Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt có trách nhiệm tham mưu, giúp Chính phủ chỉ đạo, điều phối, đôn đốc, theo dõi, tổng hợp tình hình, hướng dẫn tổ chức thực hiện pháp luật về công tác phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thực hiện chức năng điều phối, không làm thay, không thay thế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương và cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khi có căn cứ, yêu cầu cụ thể; nội dung yêu cầu phải bằng văn bản, xác định rõ mục đích, phạm vi, loại thông tin, thời hạn cung cấp, trách nhiệm bảo mật, trừ trường hợp khẩn cấp theo quy định của Luật này.

5. Chính phủ quy định chi tiết nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế hoạt động và điều kiện bảo đảm hoạt động của Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 33. Kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện và trách nhiệm giải trình

1. Kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện theo quy định của Luật này, pháp luật về thanh tra, kiểm tra và pháp luật có liên quan.

2. Hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá được thực hiện theo kế hoạch hoặc đột xuất trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền, yêu cầu quản lý nhà nước, kết quả đánh giá rủi ro, thông tin cảnh báo, dấu hiệu vi phạm hoặc yêu cầu thực hiện điều ước quốc tế, nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan; ưu tiên kiểm tra, thanh tra, giám sát trọng điểm đối với lĩnh vực, hoạt động, tổ chức, cá nhân có mức độ rủi ro cao.

3. Nội dung kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá gồm:

a) Việc chấp hành quy định của Luật này, pháp luật chuyên ngành và quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

b) Việc thực hiện quản lý rủi ro, danh mục kiểm soát, biện pháp quản lý, kiểm soát, biện pháp ngăn chặn, phản ứng khẩn cấp, cảnh báo sớm, kiểm soát tài trợ phổ biến và trừng phạt tài chính mục tiêu;

c) Việc thực hiện nghĩa vụ khai báo, báo cáo, cung cấp, chia sẻ, cập nhật, lưu giữ, bảo mật thông tin, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu;

d) Việc phối hợp liên ngành, kết nối, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu, tiếp nhận, xử lý, phản hồi thông tin cảnh báo, thông tin rủi ro;

đ) Hiệu quả tổ chức thực hiện, mức độ đáp ứng yêu cầu quản lý theo rủi ro, kết quả khắc phục hạn chế, xử lý vi phạm và trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Cơ quan nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện thuộc lĩnh vực quản lý; phối hợp, trao đổi, cung cấp thông tin, xử lý kết quả kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá theo quy định của pháp luật.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm chấp hành yêu cầu kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá; cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời thông tin, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu; giải trình về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ được giao theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

6. Việc kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá và yêu cầu giải trình phải bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, đúng căn cứ, đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, đúng phạm vi; không trùng lặp, chồng chéo, không làm cản trở hoạt động hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

7. Kết quả kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá là căn cứ để kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật; điều chỉnh biện pháp quản lý, kiểm soát đối với đối tượng được kiểm tra, thanh tra, giám sát; khắc phục hạn chế, xử lý vi phạm; nâng cao năng lực thực thi và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 34. Lực lượng, phương tiện phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Lực lượng phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt gồm lực lượng nòng cốt và lực lượng rộng rãi.

2. Lực lượng nòng cốt là cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ tham mưu, chỉ đạo, điều phối, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc hoặc trực tiếp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, kiểm soát, xác minh, xử lý nguy cơ, hành vi phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Lực lượng rộng rãi là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thông qua việc tuân thủ pháp luật, cung cấp thông tin, báo cáo dấu hiệu rủi ro, phối hợp, hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Việc phân công, phối hợp, điều động, huy động lực lượng phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt phải bảo đảm thống nhất, kịp thời, đúng thẩm quyền, đúng chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với tính chất, mức độ rủi ro và yêu cầu xử lý tình huống; không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế, đầu mối trung gian hoặc nhiệm vụ chồng chéo.

5. Phương tiện phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt gồm:

a) Trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, nghiệp vụ phục vụ phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, kiểm soát, xác minh, xử lý nguy cơ, hành vi phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Phương tiện, thiết bị chuyên dụng phục vụ ứng phó, khắc phục hậu quả về hạt nhân, phóng xạ, hóa học, sinh học và các tình huống có liên quan đến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Thiết bị, công cụ kiểm tra, giám sát, phát hiện, nhận diện, phân tích, cảnh báo, truy vết, thu thập, bảo quản, xử lý thông tin, tài liệu, dữ liệu, mẫu vật, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, phần mềm, công nghệ, dịch vụ có liên quan;

d) Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, đường dây nóng, nền tảng trao đổi, chia sẻ thông tin, hệ thống cảnh báo sớm, công cụ phân tích, đánh giá rủi ro và phương tiện bảo đảm an toàn, an ninh thông tin;

đ) Phương tiện giao thông, vận tải, thông tin liên lạc và phương tiện bảo đảm khác phục vụ chỉ huy, điều hành, phối hợp, kiểm tra, kiểm soát, điều động lực lượng, xử lý tình huống;

e) Phương tiện cần thiết khác phục vụ thực hiện nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

6. Việc phân công, phối hợp; trang bị, quản lý, sử dụng, điều động, huy động lực lượng, phương tiện phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do Chính phủ quy định.

Điều 35. Bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Nhà nước bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, gồm: Kinh phí, nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, đào tạo, bồi dưỡng và hợp tác quốc tế.

2. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan; được huy động từ nguồn viện trợ, hỗ trợ kỹ thuật, tài trợ, đóng góp hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Việc quản lý, sử dụng nguồn lực phải đúng mục đích, hiệu quả, công khai, minh bạch, tiết kiệm, chống lãng phí và chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Chế độ, chính sách đối với lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Người trực tiếp làm nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quyết định phân công, điều động, huy động của cơ quan, người có thẩm quyền được hưởng chế độ, chính sách phù hợp với tính chất, yêu cầu, mức độ nguy hiểm, độc hại, phức tạp, đột xuất, khẩn cấp của nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được huy động, tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền có thành tích thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm thì được bảo vệ, hỗ trợ, bồi thường, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản, phương tiện, trang thiết bị của cơ quan, tổ chức, cá nhân được huy động để phục vụ nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hoàn trả kịp thời sau khi kết thúc nhiệm vụ; trường hợp bị mất, hư hỏng hoặc thiệt hại thì được bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Việc thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Điều này phải bảo đảm đúng đối tượng, đúng tính chất nhiệm vụ, đúng thẩm quyền, công khai, minh bạch; không trùng lặp với chế độ, chính sách đã được pháp luật chuyên ngành quy định.

5. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, điều kiện, chế độ, chính sách, nguồn kinh phí để thực hiện theo quy định tại Điều này.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về lĩnh vực này theo quy định của pháp luật.



2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tập hợp ý kiến, kiến nghị của Nhân dân để phản ánh, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền trong quá trình hoàn thiện và tổ chức thực hiện pháp luật về phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 38. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2027.

Điều 39. Quy định chuyển tiếp

1. Giấy phép, chấp thuận, quyết định, văn bản xác nhận và hoạt động đang được thực hiện hợp pháp trước ngày Luật này có hiệu lực thì tiếp tục được thực hiện đến hết thời hạn, trừ trường hợp phải áp dụng biện pháp theo quy định của Luật này để phòng, chống nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Trường hợp cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, chuyển đổi hoặc áp dụng bổ sung biện pháp theo quy định của Luật này thì việc thực hiện phải bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động hợp pháp và không tạo gánh nặng tuân thủ bất hợp lý cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

3. Chính phủ quy định chi tiết việc xử lý chuyển tiếp đối với từng nhóm hoạt động, giấy phép, thủ tục, cơ chế phối hợp và phân công cơ quan thực hiện.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI